TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/11/2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Đình Hải.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Trần Hương Thạnh.
- Thư ký phiên toà: Bùi Văn Cảnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án, Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐXXST -HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N.
Trú tại: Đường X, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T.
Trú tại: Đường X, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột vào ngày 08/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay do tình cảm yêu thương của vợ chồng và hạnh phúc gia đình

không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/5/2013. Tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Xuân T:* Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột và chính quyền địa phương đã nhiều lần tống đạt hợp lệ , niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T để ông T tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị N và ông Nguyễn Xuân T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của bà N và ông T ngày 01/10/2019, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Quá trình chung sống, bà N và ông T bất đồng quan điểm sống, cãi nhau và bà đã không còn sống cùng ông T.

Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông T tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của bà Phan Thị N xin được ly hôn ông Nguyễn Xuân T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Anh K đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về con chung. Mặt khác, bà N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/5/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về tâm lý của cháu Khôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình bà N nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về cấp dưỡng: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà N được khaáu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000267 ngày /2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị N. Cho bà bà Phan Thị N được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 05/5/2013 cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình bà N nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà N được khaáu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000267 ngày /2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Ea Tu, Tp.BMT;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải